|  |  |
| --- | --- |
| **Entity Name: Tổng biên tập** | **ID:**E01 |
| **Description:** | |
| **Provides assumptions:** | |
| **Requires assumptions:** | |
| **identified use cases:**  **Tạo bản tin UC01**  **Chỉnh sửa bản tin UC02**  **Xem trước bản tin UC03**  **Xem bản tin UC04**  **Duyệt tin UC05**  **Hạ bản tin UC06**  **Sắp xếp bản tin UC07**  **Tìm kiếm bản tin UC08**  **Chuyển bản tin UC09**  **Ủy quyền UC10** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Entity Name:** Biên tập | **ID:**E02 |
| **Description:** | |
| **Provides assumptions:** | |
| **Requires assumptions:** | |
| **identified use cases:**  **Tạo bản tin UC01**  **Chỉnh sửa bản tin UC02**  **Xem trước bản tin UC03**  **Xem bản tin UC04**  **Tìm kiếm bản tin UC08** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Entity Name:** Phóng viên | **ID:**E03 |
| **Description:** | |
| **Provides assumptions:** | |
| **Requires assumptions:** | |
| **identified use cases:**  **Tạo bản tin UC01**  **Chỉnh sửa bản tin UC02**  **Xem trước bản tin UC03**  **Xem bản tin UC04**  **Tìm kiếm bản tin UC08**  **Chuyển bản tin UC09** | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **ID** | **Use Case** | **Entities Involved** | **Use Environment** |
| **UC01** | Hạ bản tin | Tổng biên tập |  |
| **UC02** | Sắp xếp bản tin | Tổng biên tập |  |
| **UC03** | Tìm kiếm bản tin | Tổng biên tập, biên tập, phóng viên |  |
| **UC04** | Chuyển bản tin | Tổng biên tập, biên tập, phóng viên |  |
| **UC05** | Ủy quyền | Tổng biên tập |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case title:** Hạ bản tin | **Use case ID:** UC06 |
| **General use case description:**  Cho phép tổng biên tập có thể hạ bản tin từ internet hoặc intranet xuống | |
| **Entities involved:**   * Tổng biên tập | |
| **Preconditions:**   * Bản tin đang được đăng trên internet hoặc intranet. * Tổng biên tập muốn hạ bản tin trên internet hoặc intranet xuống. | |
| **Primary use case flow of events:**   1. **T**ổng biên tập vào giao diện quản lý bản tin trên internet hoặc intranet 2. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý bản tin trên internet hoặc intranet. 3. Tổng biên tập chọn bản tin muốn hạ và chọn hạ 4. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận hạ tin. 5. Tổng biên tập chọn đồng ý hạ tin. 6. Hệ thống hiển thị thông báo đã hạ tin thành công | |
| **Primary use case postconditions:**   1. Bản tin trên internet và intranet được xóa 2. Nội dung bản tin được đưa vào danh sách các tin đã hạ của tổng biên tập. | |
| **Alternate flows**  **Case 1: Tổng biên tập chọn không hạ tin trong bước xác nhận**   * + - 1. **T**ổng biên tập vào giao diện quản lý bản tin trên internet hoặc intranet       2. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý bản tin trên internet hoặc intranet.       3. Tổng biên tập chọn bản tin muốn hạ và chọn hạ       4. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận hạ tin       5. Tổng biên tập chọn không đồng ý hạ tin       6. Hệ thống hiển thị giao diện danh sách bản tin trên internet hoặc intranet | |
| **Exceptional flow:** | |
| **Post conditions:**  Bản tin được xóa khỏi internet hoặc intranet và được hiển thị trong danh sách các bản tin được hạ của người tổng biên tập | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case title:** Sắp xếp bản tin | **Use case ID:** UC07 |
| **General use case description:**  Cho phép tổng biên tập có thể sắp xếp lại bản tin hiển thị trên internet và intranet | |
| **Entities involved:**   * Tổng biên tập | |
| **Preconditions:**   * Bản tin được hiển thị trên internet hoặc intranet * Tổng biên tập muốn sắp xếp lại bản tin được đăng trên internet hoặc intranet | |
| **Primary use case flow of events:**   1. Tổng biên tập chọn sắp xếp bản tin trên internet hoặc intranet 2. Hệ thống hiển thị giao diện sắp xếp bản tin 3. Tổng biên tập sắp xếp thứ tự hiển thị của bản tin muốn sắp xếp và chọn lưu 4. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận sắp xếp bản tin 5. Tổng biên tập chọn đồng ý 6. Hệ thống hiển thị danh sách bản tin theo như sắp xếp của tổng biên tập | |
| **Primary use case postconditions:**   1. Danh sách bản tin phải được sắp xếp theo mong muốn của tổng biên tập | |
| **Alternate flows**  **Case 1: Tổng biên tập chọn không đồng ý khi xác nhận**   1. Tổng biên tập chọn sắp xếp bản tin trên internet hoặc intranet 2. Hệ thống hiển thị giao diện sắp xếp bản tin 3. Tổng biên tập sắp xếp thứ tự hiển thị của bản tin muốn sắp xếp và chọn lưu 4. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận sắp xếp bản tin 5. Tổng biên tập chọn không đồng ý 6. Hệ thống hiển thị danh sách bản tin theo như ban đầu | |
| **Exceptional flow:** | |
| **Post conditions:**  Hệ thống hiển thị danh sách bản tin theo như sắp xếp của tổng biên tập | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case title:** Tìm kiếm bản tin | **Use case ID:** UC08 |
| **General use case description:**  Cho phép phóng viên, biên tập, tổng biên tập có thể tìm kiếm bản tin mà mình đang nắm giữ | |
| **Entities involved:**   * Phóng viên * Biên tập * Tổng biên tập | |
| **Preconditions:**   * Bản tin cần tìm kiếm đang được lưu trữ trong hệ thống * Bản tin cần tìm kiếm thuộc về quyền nắm giữ của người muốn tìm kiếm | |
| **Primary use case flow of events:**   1. Phóng viên, biên tập, tổng biên tập nhập tên bản tin cần tìm vào khung tìm kiếm và chọn tìm kiếm 2. Hệ thống hiển thị bản tin cần tìm kiếm | |
| **Primary use case postconditions:**   1. Bản tin cần tìm kiếm được hiển thị | |
| **Alternate flows** | |
| **Exceptional flow:** | |
| **Post conditions**   1. Bản tin cần tìm kiếm được hiển thị | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case title:** Chuyển bản tin | **Use case ID:** UC09 |
| **General use case description:**  Cho phép phóng viên, biên tập, tổng biên tập có thể chuyển tin | |
| **Entities involved:**   * Phóng viên * Tổng biên tập * Biên tập | |
| **Preconditions:**   * Bản tin đang được lưu trên hệ thống * Người soan thảo bản tin muốn chuyển bản tin lên cho cấp trên. | |
| **Primary use case flow of events:**   1. Phóng viên, biên tập, tổng biên tập chọn bản tin cần chuyển và chọn chuyển tin 2. Hệ thống hiển thị giao diện người cần chuyển tin 3. Phóng viên, biên tập và tổng biên tập chọn tên người cần chuyển tin 4. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận chuyển tin 5. Phóng viên, biên tập, tổng biên tập chọn đồng ý. 6. Hệ thống hiển thị thông báo thành công | |
| **Primary use case postconditions:**   1. Bản tin được chuyển sẽ được chuyển từ danh sách tin đang soạn sang danh sách tin đã chuyển | |
| **Alternate flows**  **Case 1: phóng viên, biên tập, tổng biên tập chọn không đồng ý trên giao diện xác nhận**   1. Phóng viên, biên tập, tổng biên tập chọn bản tin cần chuyển và chọn chuyển tin 2. Hệ thống hiển thị giao diện người cần chuyển tin 3. Phóng viên, biên tập và tổng biên tập chọn tên người cần chuyển tin 4. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận chuyển tin 5. Phóng viên, biên tập, tổng biên tập chọn không đồng ý 6. Hệ thống hiển thị giao diện chi tiết bản tin | |
| **Exceptional flow:** | |
| **Post conditions**   1. Bản tin được chuyển sẽ được chuyển từ danh sách tin đang soạn sang danh sách tin đã chuyển 2. Danh sách các tin cần duyệt của người được chuyển bản tin sẽ hiển thị bản tin. | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case title:** Ủy quyền | **Use case ID:** UC10 |
| **General use case description:**  Cho phép tổng biên tập có thể ủy quyền cho người khác thực hiện công việc duyệt tin, đăng tin trong 1 khoảng thời gian cụ thể. | |
| **Entities involved:**   * Tổng biên tập | |
| **Preconditions:**   1. Người được ủy quyền phải có tài khoản đăng nhập vào hệ thống 2. Tổng biên tập muốn ủy quyền cho người khác thực hiện công việc duyệt tin, đăng tin của mình | |
| **Primary use case flow of events:**   1. Tổng biên tập chọn ủy quyền 2. Hệ thống hiển thị giao diện danh sách những người chờ ủy quyền 3. Tổng biên tập chọn người muốn ủy quyền và chọn lưu 4. Hệ thống hiển thị giao diện để tổng biên tập chọn thời gian ủy quyền 5. Tổng biên tập chọn thời gian cần ủy quyền và chọn lưu 6. Hệ thống hiển thị xác nhận có muốn ủy quyền cho người vừa chọn 7. Tổng biên tập chọn đồng ý 8. Hệ thống hiển thị thông báo thành công | |
| **Primary use case postconditions:**   1. Hệ thống chuyển toàn bộ quyền của tổng biên tập cho người được ủy quyền | |
| **Alternate flows**  Case 1: Tổng biên tập chọn không đồng ý khi xác nhận   1. Tổng biên tập chọn ủy quyền 2. Hệ thống hiển thị giao diện danh sách những người chờ ủy quyền 3. Tổng biên tập chọn người muốn ủy quyền và chọn lưu 4. Hệ thống hiển thị giao diện để tổng biên tập chọn thời gian ủy quyền 5. Tổng biên tập chọn thời gian cần ủy quyền và chọn lưu 6. Hệ thống hiển thị xác nhận có muốn ủy quyền cho người vừa chọn 7. Tổng biên tập chọn không đồng ý 8. Hệ thống quay trở lại giao diện quản lý của người tổng biên tập | |
| **Exceptional flow:** | |
| **Post conditions**   1. Hệ thống chuyển toàn bộ quyền của tổng biên tập cho người được ủy quyền | |